# PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

## A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

## I. Lĩnh vực thương mại quốc tế

### 1. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa (trừ các hàng hóa là: gạo, đường, vật phẩm đã ghi hình, sách, báo và tạp chí), mã TTHC: 2.000255

### 1.1. Trình tự thực hiện

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (sau đây gọi tắt là Giấy phép kinh doanh) nộp 01 bộ hồ sơ theo một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng).

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra việc đáp ứng điều kiện, tiêu chí, căn cứ tương ứng quy định tại Điều 9 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP.

a) Trường hợp không đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

b) Trường hợp đáp ứng điều kiện:

+ Cơ quan cấp Giấy phép cấp Giấy phép kinh doanh cho các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP; trường hợp từ chối cấp phép, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

+ Cơ quan cấp Giấy phép gửi hồ sơ kèm văn bản lấy ý kiến Bộ Công an và Bộ Quốc phòng đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP (Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP).

- Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép kinh doanh; trường hợp từ chối, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do (Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP).

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ văn bản trả lời của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng:

a) Trường hợp hai Bộ trên có văn bản chấp thuận cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép thực hiện cấp Giấy phép kinh doanh;

b) Trường hợp một trong hai Bộ trên không chấp thuận cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nhận kết quả giải quyết thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh và Cơ quan cấp Giấy phép trả kết quả giải quyết thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh theo quy định pháp luật hiện hành về thực hiện thủ tục hành chính. Trường hợp tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài lựa chọn nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn của đơn vị cung ứng dịch vụ bưu chính.

**1.2. Cách thức thực hiện**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa;;

- Qua Dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

- Qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật;

- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng).

**1.3. Thành phần hồ sơ**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

- Bản giải trình có nội dung:

a) Giải trình về điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh tương ứng;

b) Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm kể từ năm nộp hồ sơ: Mô tả nội dung, phương thức thực hiện hoạt động kinh doanh; trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh;

c) Tình hình kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tính tới thời điểm đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh, trong trường hợp cấp Giấy phép kinh doanh quy định tại khoản 5 và 6 Điều 5 Nghị định 342/2026/NĐ-CP.

- Tài liệu chứng minh tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không còn nợ thuế quá hạn do cơ quan thuế xác nhận vào thời điểm không quá 06 tháng trước ngày gửi hồ sơ đến Cơ quan cấp Giấy phép.

- Bản sao: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có) hoặc giấy tờ có giá trị tương đương theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp (trong trường hợp không có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án).

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chỉ phải nộp các tài liệu quy định tại khoản 3, 4 Điều 11 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP trong trường hợp Cơ quan cấp Giấy phép không đủ điều kiện tiếp cận và khai thác được các tài liệu, dữ liệu

có liên quan tại các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ thì Cơ quan cấp Giấy phép yêu cầu tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài bổ sung thành phần hồ sơ tương ứng để có đủ cơ sở giải quyết thủ tục hành chính.

**1.4. Số lượng bộ hồ sơ**: 01 bộ

**1.5. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ hồ và hợp lệ nếu tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP; 21 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ nếu tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc trường hợp quy định tại khoản điểm a khoản 3 Điều 8 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP.

**1.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

**1.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính.

**1.8. Phí, Lệ phí**: Không quy định.

**1.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép kinh doanh

**1.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP).

**1.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**:

- Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thuộc nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có cam kết mở cửa thị trường cho hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa phải đáp ứng các điều kiện sau:

+ Điều kiện về tiếp cận thị trường tại Điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước, vùng lãnh thổ đó là thành viên và được nhà đầu tư nước ngoài lựa chọn áp dụng theo quy định pháp luật về đầu tư. Nhà đầu tư nước ngoài phải đáp ứng điều kiện này trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh theo quy định tại Nghị định này tại Việt Nam;

+ Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã thành lập tổ chức kinh tế tại Việt Nam từ 01 năm trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ.

- Nhà đầu tư nước ngoài không thuộc nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên phải đáp ứng các điều kiện và tiêu chí sau:

+ Các điều kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP;

+ Các tiêu chí sau:

Phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành liên quan;

Phù hợp với mức độ cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước trong cùng lĩnh vực hoạt động trong thời gian 01 năm tính đến ngày nộp hồ sơ.

**1.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

- Nghị định số 342/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**Mẫu số 01**

| | |
|---|---|
| **TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| _____ | _____ |

*..., ngày ... tháng ... năm ...*

# ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy phép[1]

## I. Thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài[2]:

1. Tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: …….

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do... cấp đăng ký lần đầu ngày ... tháng … năm ...; cấp đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm …..

Mã số doanh nghiệp: ……..

Địa chỉ trụ sở chính: ……..

Điện thoại: ……. Fax: …..… Email: ……Website: ……

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: ……

2. Vốn điều lệ (ghi bằng số và chữ):……..

3. Vốn đầu tư kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có) (ghi bằng số và chữ; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài): …….

4. Ngành nghề kinh doanh[3]: ……

5. Thông tin về chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập[4]:

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là tổ chức:

+ Tên tổ chức: …… Nơi đăng ký thành lập: ……

+ Tỷ lệ vốn góp/cổ phần: ……

+ Ngành nghề/lĩnh vực kinh doanh chính:……..

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là cá nhân:

+ Họ và tên: ……. Quốc tịch:……..…..

+ Tỷ lệ góp vốn/cổ phần:……

---

[1] Ghi tên Cơ quan cấp Giấy phép nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

[2] Ghi thông tin đăng ký thay đổi gần nhất.

[3] Ghi ngành nghề kinh doanh theo Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

[4] Lập danh sách kèm theo Đơn đề nghị trong trường hợp có nhiều chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông sáng lập.

**II. Nội dung đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa:**

1. Hoạt động mua bán hàng hóa (chỉ ghi hoạt động đề nghị thực hiện):

- Thực hiện quyền phân phối bán lẻ (gắn/không gắn với lập cơ sở bán lẻ) các hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam gồm: ……

- Thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các mặt hàng:… theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 9 Nghị định này trong thời hạn…….

- Thực hiện quyền phân phối bán lẻ (gắn với lập cơ sở bán lẻ) các mặt hàng:… theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 9 Nghị định này trong thời hạn …

2. Hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa[5]:

- ……..

- ……..

3. Các nội dung khác (nếu có):

- ……...

**III. Cam kết của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**
*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Các tài liệu gửi kèm:
1. …;
2. …

[5] Ghi từng hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa đăng ký thực hiện theo quy định tại điểm d, đ, e, g, h, i khoản 1 Điều 5 Nghị định này.

**2. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu bôi trơn, mỡ bôi trơn có nguồn gốc từ dầu mỏ, mã TTHC 2.000370**

**2.1. Trình tự thực hiện**

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (sau đây gọi tắt là Giấy phép kinh doanh) nộp 01 bộ hồ sơ theo một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng).

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra việc đáp ứng điều kiện, tiêu chí, căn cứ tương ứng quy định tại Điều 9 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP.

a) Trường hợp không đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

b) Trường hợp đáp ứng điều kiện:

+ Cơ quan cấp Giấy phép cấp Giấy phép kinh doanh cho trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều 9 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP; trường hợp từ chối cấp phép, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

+ Cơ quan cấp Giấy phép gửi hồ sơ kèm văn bản lấy ý kiến Bộ Công an và Bộ Quốc phòng đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP (Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP).

- Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép kinh doanh; trường hợp từ chối, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do (Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP).

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ văn bản trả lời của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng:

a) Trường hợp hai Bộ trên có văn bản chấp thuận cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép thực hiện cấp Giấy phép kinh doanh;

b) Trường hợp một trong hai Bộ trên không chấp thuận cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nhận kết quả giải quyết thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh và Cơ quan cấp Giấy phép trả kết quả giải quyết thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh theo quy định pháp luật hiện hành về thực hiện thủ

tục hành chính. Trường hợp tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài lựa chọn nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn của đơn vị cung ứng dịch vụ bưu chính.

**2.2. Cách thức thực hiện**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa tại Cơ quan cấp Giấy phép nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính;

- Qua Dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

- Qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật;

- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng).

**2.3. Thành phần hồ sơ**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

- Bản giải trình có nội dung:

a) Giải trình về điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh tương ứng theo quy định tại Điều 9 Nghị định 342/2026/NĐ-CP và giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 4 Điều 9 thông qua việc nộp bản sao tài liệu quy định tại khoản 5 Điều 11 Nghị định 342/2026/NĐ-CP;

b) Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm kể từ năm nộp hồ sơ: Mô tả nội dung, phương thức thực hiện hoạt động kinh doanh; trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh;

c) Tình hình kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tính tới thời điểm đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh, trong trường hợp cấp Giấy phép kinh doanh quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị định 342/2026/NĐ-CP.

- Tài liệu chứng minh tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không còn nợ thuế quá hạn do cơ quan thuế xác nhận vào thời điểm không quá 06 tháng trước ngày gửi hồ sơ đến Cơ quan cấp Giấy phép.

- Bản sao: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có) hoặc giấy tờ có giá trị tương đương theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp (trong trường hợp không có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án).

- Bản sao: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án sản xuất dầu bôi trơn, mỡ bôi trơn có nguồn gốc từ dầu mỏ tại Việt Nam; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án sản xuất hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư chứng minh tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã được phép phân phối bán buôn tại Việt Nam máy móc, thiết bị, hàng hóa có sử dụng dầu bôi trơn, mỡ bôi trơn có nguồn

gốc từ dầu mỏ, đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 4 Điều 9 Nghị định 342/2026/NĐ-CP.

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chỉ phải nộp các tài liệu quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 11 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP trong trường hợp Cơ quan cấp Giấy phép không đủ điều kiện tiếp cận và khai thác được các tài liệu, dữ liệu có liên quan tại các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ thì Cơ quan cấp Giấy phép yêu cầu tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài bổ sung thành phần hồ sơ tương ứng để có đủ cơ sở giải quyết thủ tục hành chính.

**2.4. Số lượng bộ hồ sơ**: 01 bộ

**2.5. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ nếu tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP; 21 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ nếu tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP.

**2.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

**2.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính.

**2.8. Phí, Lệ phí**: Không quy định.

**2.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép kinh doanh

**2.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**2.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**:

- Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thuộc nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có cam kết mở cửa thị trường cho hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Điều kiện về tiếp cận thị trường tại Điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước, vùng lãnh thổ đó là thành viên và được nhà đầu tư nước ngoài lựa chọn áp dụng theo quy định pháp luật về đầu tư. Nhà đầu tư nước ngoài phải đáp ứng điều kiện này trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh theo quy định tại Nghị định này tại Việt Nam;

b) Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã thành lập tổ chức kinh tế tại Việt Nam từ 01 năm trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ.

- Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài không thuộc nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên phải đáp ứng các điều kiện và tiêu chí sau:

a) Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã thành lập tổ chức kinh tế tại Việt Nam từ 01 năm trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ;

b) Các tiêu chí sau:

Phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành liên quan;

Phù hợp với mức độ cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước trong cùng lĩnh vực hoạt động trong thời gian 01 năm tính đến ngày nộp hồ sơ.

c) Một trong các điều kiện:

Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án sản xuất dầu bôi trơn, mỡ bôi trơn có nguồn gốc từ dầu mỏ tại Việt Nam;

Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án sản xuất hoặc đã được phép phân phối tại Việt Nam máy móc, thiết bị, hàng hóa có sử dụng dầu bôi trơn, mỡ bôi trơn có nguồn gốc từ dầu mỏ.

**2.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

- Nghị định số 342/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**Mẫu số 01**

| | |
|---|---|
| **TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| _____ | _____ |

*..., ngày ... tháng ... năm ...*

# ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy phép[1]

## I. Thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài[2]:

1. Tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: …….

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do... cấp đăng ký lần đầu ngày ... tháng … năm ...; cấp đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm …..

Mã số doanh nghiệp: ……..

Địa chỉ trụ sở chính: ……..

Điện thoại: ……. Fax: …..… Email: ……Website: ……

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: ……

2. Vốn điều lệ (ghi bằng số và chữ):……..

3. Vốn đầu tư kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có) (ghi bằng số và chữ; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài): …….

4. Ngành nghề kinh doanh[3]: ……

5. Thông tin về chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập[4]:

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là tổ chức:

+ Tên tổ chức: …… Nơi đăng ký thành lập: ……

+ Tỷ lệ vốn góp/cổ phần: ……

+ Ngành nghề/lĩnh vực kinh doanh chính:……..

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là cá nhân:

+ Họ và tên: ……. Quốc tịch:……..….

---

[1] Ghi tên Cơ quan cấp Giấy phép nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

[2] Ghi thông tin đăng ký thay đổi gần nhất.

[3] Ghi ngành nghề kinh doanh theo Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

[4] Lập danh sách kèm theo Đơn đề nghị trong trường hợp có nhiều chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông sáng lập.

+ Tỷ lệ góp vốn/cổ phần:……

**II. Nội dung đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa:**

1. Hoạt động mua bán hàng hóa (chỉ ghi hoạt động đề nghị thực hiện):

- Thực hiện quyền phân phối bán lẻ (gắn/không gắn với lập cơ sở bán lẻ) các hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam gồm: ……..

- Thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các mặt hàng:… theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 9 Nghị định này trong thời hạn……..

- Thực hiện quyền phân phối bán lẻ (gắn với lập cơ sở bán lẻ) các mặt hàng:… theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 9 Nghị định này trong thời hạn...

2. Hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa[5]:

- ……..

- ……..

3. Các nội dung khác (nếu có):

- ……...

**III. Cam kết của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**

*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Các tài liệu gửi kèm:
1. …;
2. …

[5] Ghi từng hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa đăng ký thực hiện theo quy định tại điểm d, đ, e, g, h, i khoản 1 Điều 5 Nghị định này.

**3. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí, mã TTHC: 2.000362**

**3.1. Trình tự thực hiện**

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (sau đây gọi tắt là Giấy phép kinh doanh) nộp 01 bộ hồ sơ theo một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng).

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra việc đáp ứng điều kiện, tiêu chí, căn cứ tương ứng quy định tại Điều 9 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP.

a) Trường hợp không đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

b) Trường hợp đáp ứng điều kiện:

+ Cơ quan cấp Giấy phép cấp Giấy phép kinh doanh cho các trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều 9 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP; trường hợp từ chối cấp phép, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

+ Cơ quan cấp Giấy phép gửi hồ sơ kèm văn bản lấy ý kiến Bộ Công an và Bộ Quốc phòng đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP (Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP).

- Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép kinh doanh; trường hợp từ chối, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do (Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP).

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ văn bản trả lời của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng:

a) Trường hợp hai Bộ trên có văn bản chấp thuận cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép thực hiện cấp Giấy phép kinh doanh;

b) Trường hợp một trong hai Bộ trên không chấp thuận cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nhận kết quả giải quyết thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh và Cơ quan cấp Giấy phép trả kết quả giải quyết thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh theo quy định pháp luật hiện hành về thực hiện thủ

tục hành chính. Trường hợp tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài lựa chọn nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn của đơn vị cung ứng dịch vụ bưu chính.

**3.2. Cách thức thực hiện**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa tại Cơ quan cấp Giấy phép nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính;

- Qua Dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

- Qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật;

- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng).

**3.3. Thành phần hồ sơ**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

- Bản giải trình có nội dung:

a) Giải trình về điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh tương ứng theo quy định tại Điều 9 Nghị định 342/2026/NĐ-CP và giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 4 Điều 9 thông qua việc nộp bản sao tài liệu quy định tại khoản 6 Điều 11 Nghị định 342/2026/NĐ-CP;

b) Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm kể từ năm nộp hồ sơ: Mô tả nội dung, phương thức thực hiện hoạt động kinh doanh; trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh;

c) Tình hình kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tính tới thời điểm đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh, trong trường hợp cấp Giấy phép kinh doanh quy định tại khoản 5 và 6 Điều 5 Nghị định 342/2026/NĐ-CP.

- Tài liệu chứng minh tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không còn nợ thuế quá hạn do cơ quan thuế xác nhận vào thời điểm không quá 06 tháng trước ngày gửi hồ sơ đến Cơ quan cấp Giấy phép.

- Bản sao: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có) hoặc giấy tờ có giá trị tương đương theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp (trong trường hợp không có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án).

- Bản sao: Giấy phép lập cơ sở bán lẻ dưới hình thức cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, siêu thị.

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chỉ phải nộp các tài liệu quy định tại khoản 3, 4 và 6 Điều 11 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP trong trường hợp Cơ

quan cấp Giấy phép không đủ điều kiện tiếp cận và khai thác được các tài liệu, dữ liệu có liên quan tại các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ thì Cơ quan cấp Giấy phép yêu cầu tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài bổ sung thành phần hồ sơ tương ứng để có đủ cơ sở giải quyết thủ tục hành chính.

**3.4. Số lượng bộ hồ sơ**: 01 bộ

**3.5. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ nếu tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP; 21 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ nếu tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc trường hợp quy định tại điểm khoản 3 Điều 8 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP.

**3.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

**3.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính.

**3.8. Phí, Lệ phí**: Không quy định.

**3.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép kinh doanh

**3.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**3.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**:

- Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thuộc nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có cam kết mở cửa thị trường cho hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Điều kiện về tiếp cận thị trường tại Điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước, vùng lãnh thổ đó là thành viên và được nhà đầu tư nước ngoài lựa chọn áp dụng theo quy định pháp luật về đầu tư. Nhà đầu tư nước ngoài phải đáp ứng điều kiện này trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh theo quy định tại Nghị định này tại Việt Nam;

b) Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã thành lập tổ chức kinh tế tại Việt Nam từ 01 năm trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ.

- Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài không thuộc nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên phải đáp ứng các điều kiện và tiêu chí sau:

a) Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã thành lập tổ chức kinh tế tại Việt Nam từ 01 năm trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ;

b) Các tiêu chí sau:

Phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành liên quan;

Phù hợp với mức độ cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước trong cùng lĩnh vực hoạt động trong thời gian 01 năm tính đến ngày nộp hồ sơ.

c) Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ dưới hình thức cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, siêu thị để bán lẻ tại các cơ sở bán lẻ đó

**3.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

- Nghị định số 342/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**Mẫu số 01**

| | |
|---|---|
| **TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| _____ | _____ |

*..., ngày ... tháng ... năm ...*

# ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy phép[1]

## I. Thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài[2]:

1. Tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: …….

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do... cấp đăng ký lần đầu ngày ... tháng … năm ...; cấp đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm …..

Mã số doanh nghiệp: ……..

Địa chỉ trụ sở chính: ……..

Điện thoại: ……. Fax: …..… Email: ……Website: ……

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: ……

2. Vốn điều lệ (ghi bằng số và chữ):……..

3. Vốn đầu tư kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có) (ghi bằng số và chữ; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài): …….

4. Ngành nghề kinh doanh[3]: ……

5. Thông tin về chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập[4]:

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là tổ chức:

+ Tên tổ chức: …… Nơi đăng ký thành lập: ……

+ Tỷ lệ vốn góp/cổ phần: ……

+ Ngành nghề/lĩnh vực kinh doanh chính:……..

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là cá nhân:

+ Họ và tên: ……. Quốc tịch:……..….

+ Tỷ lệ góp vốn/cổ phần:……

---

[1] Ghi tên Cơ quan cấp Giấy phép nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

[2] Ghi thông tin đăng ký thay đổi gần nhất.

[3] Ghi ngành nghề kinh doanh theo Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

[4] Lập danh sách kèm theo Đơn đề nghị trong trường hợp có nhiều chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông sáng lập.

**II. Nội dung đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa:**

1. Hoạt động mua bán hàng hóa (chỉ ghi hoạt động đề nghị thực hiện):

- Thực hiện quyền phân phối bán lẻ (gắn/không gắn với lập cơ sở bán lẻ) các hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam gồm: ……..

- Thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các mặt hàng:… theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 9 Nghị định này trong thời hạn……..

- Thực hiện quyền phân phối bán lẻ (gắn với lập cơ sở bán lẻ) các mặt hàng:… theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 9 Nghị định này trong thời hạn...

2. Hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa[5]:

- ……..

- ……..

3. Các nội dung khác (nếu có):

- ……...

**III. Cam kết của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**
*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Các tài liệu gửi kèm:
1. …;
2. …

[5] Ghi từng hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa đăng ký thực hiện theo quy định tại điểm d, đ, e, g, h, i khoản 1 Điều 5 Nghị định này.

**4. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP, mã TTHC 2.000351**

**4.1. Trình tự thực hiện**

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (sau đây gọi tắt là Giấy phép kinh doanh) nộp 01 bộ hồ sơ theo một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng).

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra việc đáp ứng điều kiện, tiêu chí, căn cứ tương ứng quy định tại Điều 9 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP.

a) Trường hợp không đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

b) Trường hợp đáp ứng điều kiện:

+ Cơ quan cấp Giấy phép cấp Giấy phép kinh doanh cho các trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP; trường hợp từ chối cấp phép, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

+ Cơ quan cấp Giấy phép gửi hồ sơ kèm văn bản lấy ý kiến Bộ Công an và Bộ Quốc phòng đối với các trường hợp quy định tại điểm a và b khoản 3 Điều 8 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP (Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP).

- Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép kinh doanh; trường hợp từ chối, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do (Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP).

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ văn bản trả lời của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng:

a) Trường hợp hai Bộ trên có văn bản chấp thuận cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép thực hiện cấp Giấy phép kinh doanh;

b) Trường hợp một trong hai Bộ trên không chấp thuận cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nhận kết quả giải quyết thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh và Cơ quan cấp Giấy phép trả kết quả giải quyết thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh theo quy định pháp luật hiện hành về thực hiện thủ

tục hành chính. Trường hợp tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài lựa chọn nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn của đơn vị cung ứng dịch vụ bưu chính.

**4.2. Cách thức thực hiện**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa tại Cơ quan cấp Giấy phép nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính;

- Qua Dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

- Qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật;

- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng).

**4.3. Thành phần hồ sơ**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

- Bản giải trình có nội dung:

a) Giải trình về điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh tương ứng theo quy định tại Điều 9 Nghị định 342/2026/NĐ-CP;

b) Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm kể từ năm nộp hồ sơ: Mô tả nội dung, phương thức thực hiện hoạt động kinh doanh; trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh;

c) Tình hình kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tính tới thời điểm đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh, trong trường hợp cấp Giấy phép kinh doanh quy định tại khoản 5 và 6 Điều 5 Nghị định 342/2026/NĐ-CP.

- Tài liệu chứng minh tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không còn nợ thuế quá hạn do cơ quan thuế xác nhận vào thời điểm không quá 06 tháng trước ngày gửi hồ sơ đến Cơ quan cấp Giấy phép.

- Bản sao: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có) hoặc giấy tờ có giá trị tương đương theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp (trong trường hợp không có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án).

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chỉ phải nộp các tài liệu quy định tại khoản 3, 4 Điều 11 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP trong trường hợp Cơ quan cấp Giấy phép không đủ điều kiện tiếp cận và khai thác được các tài liệu, dữ liệu có liên quan tại các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ thì Cơ quan cấp Giấy phép yêu cầu tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài bổ sung thành phần hồ sơ tương ứng để có đủ cơ sở giải quyết thủ tục hành chính.

**4.4. Số lượng bộ hồ sơ**: 01 bộ

**4.5. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ nếu tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP; 21 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ nếu tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc trường hợp quy định tại điểm a và b khoản 3 Điều 8 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP.

**4.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

**4.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính.

**4.8. Phí, Lệ phí**: Không quy định.

**4.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép kinh doanh

**4.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**4.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**:

- Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thuộc nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có cam kết mở cửa thị trường cho hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Điều kiện về tiếp cận thị trường tại Điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước, vùng lãnh thổ đó là thành viên và được nhà đầu tư nước ngoài lựa chọn áp dụng theo quy định pháp luật về đầu tư. Nhà đầu tư nước ngoài phải đáp ứng điều kiện này trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh theo quy định tại Nghị định này tại Việt Nam;

b) Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã thành lập tổ chức kinh tế tại Việt Nam từ 01 năm trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ.

- Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài không thuộc nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên phải đáp ứng các điều kiện và tiêu chí sau:

a) Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã thành lập tổ chức kinh tế tại Việt Nam từ 01 năm trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ;

b) Các tiêu chí sau:

Phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành liên quan;

Phù hợp với mức độ cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước trong cùng lĩnh vực hoạt động trong thời gian 01 năm tính đến ngày nộp hồ sơ.

**4.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

- Nghị định số 342/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**Mẫu số 01**

| | |
|---|---|
| **TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| _____ | _____ |

*..., ngày ... tháng ... năm ...*

# ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy phép[1]

## I. Thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài[2]:

1. Tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: …….

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do... cấp đăng ký lần đầu ngày ... tháng … năm ...; cấp đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm …..

Mã số doanh nghiệp: ……..

Địa chỉ trụ sở chính: ……..

Điện thoại: ……. Fax: …..… Email: ……Website: ……

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: ……

2. Vốn điều lệ (ghi bằng số và chữ):……..

3. Vốn đầu tư kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có) (ghi bằng số và chữ; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài): …….

4. Ngành nghề kinh doanh[3]: ……

5. Thông tin về chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập[4]:

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là tổ chức:

+ Tên tổ chức: …… Nơi đăng ký thành lập: ……

+ Tỷ lệ vốn góp/cổ phần: ……

+ Ngành nghề/lĩnh vực kinh doanh chính:……..

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là cá nhân:

+ Họ và tên: ……. Quốc tịch:……..….

+ Tỷ lệ góp vốn/cổ phần:……

---

[1] Ghi tên Cơ quan cấp Giấy phép nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

[2] Ghi thông tin đăng ký thay đổi gần nhất.

[3] Ghi ngành nghề kinh doanh theo Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

[4] Lập danh sách kèm theo Đơn đề nghị trong trường hợp có nhiều chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông sáng lập.

**II. Nội dung đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa:**

1. Hoạt động mua bán hàng hóa (chỉ ghi hoạt động đề nghị thực hiện):

- Thực hiện quyền phân phối bán lẻ (gắn/không gắn với lập cơ sở bán lẻ) các hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam gồm: ……..

- Thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các mặt hàng:… theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 9 Nghị định này trong thời hạn……..

- Thực hiện quyền phân phối bán lẻ (gắn với lập cơ sở bán lẻ) các mặt hàng:… theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 9 Nghị định này trong thời hạn ..

2. Hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa[5]:

- ……..

- ……..

3. Các nội dung khác (nếu có):

- ……...

**III. Cam kết của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**
*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Các tài liệu gửi kèm:
1. …;
2. …

[5] Ghi từng hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa đăng ký thực hiện theo quy định tại điểm d, đ, e, g, h, i khoản 1 Điều 5 Nghị định này.

**5. Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, mã TTHC: 2.000340**

**5.1. Trình tự thực hiện:**

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ghi nhận nội dung điều chỉnh trong trường hợp cấp lại quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ theo một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng).

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép cấp lại Giấy phép kinh doanh, trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Cơ quan cấp Giấy phép cấp lại Giấy phép kinh doanh cho trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định 342/2026/NĐ-CP, sao gửi 01 bản Giấy phép kinh doanh cho Cơ quan cấp Giấy phép nơi chuyển đi để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày được cấp lại Giấy phép kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định 342/2026/NĐ-CP có trách nhiệm hoàn trả Giấy phép kinh doanh đã được cấp trước đó cho Cơ quan cấp Giấy phép nơi chuyển đi.

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nhận kết quả giải quyết thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh và Cơ quan cấp Giấy phép trả kết quả giải quyết thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh theo quy định pháp luật hiện hành về thực hiện thủ tục hành chính. Trường hợp tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài lựa chọn nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn của đơn vị cung ứng dịch vụ bưu chính.

**5.2. Cách thức thực hiện**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa ;

- Qua Dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

- Qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật;

- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng).

**5.3. Thành phần hồ sơ**

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP).

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp cấp lại theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định 342/2026/NĐ-CP.

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chỉ phải nộp tài liệu trên trong trường hợp Cơ quan cấp Giấy phép không đủ điều kiện tiếp cận và khai thác được các tài liệu, dữ liệu có liên quan tại các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ thì Cơ quan cấp Giấy phép yêu cầu tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài bổ sung thành phần hồ sơ tương ứng để có đủ cơ sở giải quyết thủ tục hành chính.

**5.4. Số lượng bộ hồ sơ**: 01 bộ

**5.5. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn** 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ.

**5.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

**5.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính.

**5.8. Phí, Lệ phí**: Không quy định.

**5.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép kinh doanh cấp lại

**5.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP).

**5.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**:

- Chuyển địa điểm đặt trụ sở chính từ một tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương đến một tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương khác.

- Giấy phép kinh doanh bị mất hoặc bị hỏng.

**5.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

- Nghị định số 342/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**Mẫu số 04**

| | |
|---|---|
| **TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| _____ | _____ |

*..., ngày ... tháng ... năm ...*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP KINH DOANH**

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy phép[1]

**I. Thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài [2]:**

1. Tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: .....

Mã số doanh nghiệp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ……. Fax: …… Email: …… Website: …….

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: ….

2. Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm...; điều chỉnh/cấp lại lần[3]... ngày...tháng...năm…

**II. Lý do cấp lại Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số ...:** .....[4]

**III. Cam kết của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam và quy định của Giấy phép kinh doanh.

3. Hoàn trả Giấy phép kinh doanh đã được cấp trước đó theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định này.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**
*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Các tài liệu gửi kèm:
1. …;
2. …

---

[1] Ghi tên Cơ quan cấp Giấy phép nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

[2] Ghi thông tin đăng ký thay đổi gần nhất.

[3] Ghi thông tin cấp điều chỉnh/cấp lại lần gần nhất.

[4] Ghi cụ thể theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

**6. Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, mã TTHC: 2.000330**

**6.1 Trình tự thực hiện:**

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ghi nhận nội dung điều chỉnh quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ theo một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng).

- Trường hợp điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật; chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông sáng lập đến từ nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên:

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh; trường hợp từ chối cấp phép, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Trường hợp điều chỉnh chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông sáng lập đến từ nước, vùng lãnh thổ không tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và điều chỉnh các nội dung khác: Trình tự điều chỉnh Giấy phép kinh doanh thực hiện như trình tự cấp Giấy phép kinh doanh quy định tại Điều 12 áp dụng cho trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy phép kinh doanh đã được điều chỉnh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm hoàn trả Giấy phép kinh doanh đã được cấp trước đó cho Cơ quan cấp Giấy phép.

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nhận kết quả giải quyết thủ tục điều chỉnh Giấy phép kinh doanh và Cơ quan cấp Giấy phép trả kết quả giải quyết thủ tục điều chỉnh Giấy phép kinh doanh theo quy định pháp luật hiện hành về thực hiện thủ tục hành chính. Trường hợp tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài lựa chọn nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn của đơn vị cung ứng dịch vụ bưu chính.

**6.2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa;

- Qua Dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

- Qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật;

- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng).

**6.3. Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP).

- Trường hợp thay đổi nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP(trừ trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở chính quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP) và trường hợp thay đổi chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông sáng lập đến từ nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ghi nhận nội dung điều chỉnh.

- Trường hợp thay đổi nội dung quy định tại các điểm c, d và đ khoản 1 Điều 10 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP và trường hợp thay đổi chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông sáng lập đến từ nước, vùng lãnh thổ không tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên: Tài liệu quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 11 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP.

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chỉ phải nộp Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ghi nhận nội dung điều chỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP và các tài liệu quy định tại khoản 3 và 4 Điều 11 theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP trong trường hợp Cơ quan cấp Giấy phép không đủ điều kiện tiếp cận và khai thác được các tài liệu, dữ liệu có liên quan tại các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ thì Cơ quan cấp Giấy phép yêu cầu tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài bổ sung thành phần hồ sơ tương ứng để có đủ cơ sở giải quyết thủ tục hành chính.

**6.4. Số lượng bộ hồ sơ**: 01 bộ.

**6.5. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn** 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ hoặc 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ đối với trường hợp điều chỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP.

**6.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

**6.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính.

**6.8. Phí, Lệ phí**: Không quy định.

**6.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép kinh doanh được điều chỉnh.

**6.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP).

**6.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**:

- Khi có thay đổi một trong các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP.

**6.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

- Nghị định số 342/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**Mẫu số 03**

| | |
|---|---|
| **TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*..., ngày ... tháng ... năm ...*

# ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP KINH DOANH

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy phép[1]

**I. Thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài[2]:**

1. Tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: ……..

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do... cấp đăng ký lần đầu ngày... tháng… năm...; cấp đăng ký thay đổi lần thứ... ngày... tháng... năm……..

Mã số doanh nghiệp: …….

Địa chỉ trụ sở chính: ……

Điện thoại: ……. Fax: …… Email: ……Website: ……

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: ….

2. Vốn điều lệ (ghi bằng số và chữ):……..

3. Vốn đầu tư cho Dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có) (ghi bằng số và chữ; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài): ……..…….

4. Ngành nghề kinh doanh[3]:…….

5. Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm...; điều chỉnh/cấp lại lần[4]... ngày... tháng... năm……..

**II. Nội dung đề nghị điều chỉnh Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số...:**

1. Điều chỉnh thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

a) Thông tin đã được ghi nhận: (Chỉ ghi thông tin có liên quan đến thông tin cần điều chỉnh)…

b) Thông tin đề nghị điều chỉnh và lý do điều chỉnh: ……..

---

[1] Ghi tên Cơ quan cấp Giấy phép nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

[2] Ghi thông tin cấp điều chỉnh/cấp lại lần gần nhất.

[3] Ghi ngành nghề kinh doanh theo Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

[4] Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất.

c) Thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sau khi điều chỉnh: …..

2. Điều chỉnh nội dung kinh doanh

a) Nội dung kinh doanh đã được cấp: (Chỉ ghi nội dung có liên quan đến nội dung cần điều chỉnh)…

b) Nội dung kinh doanh đề nghị điều chỉnh và lý do điều chỉnh:…….

c) Nội dung kinh doanh sau khi điều chỉnh:……

**III. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép kinh doanh.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**
*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Các tài liệu gửi kèm:
1. …;
2. …

**7. Cấp Giấy phép kinh doanh đồng thời với Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, mã TTHC: 2.000272**.

**7.1 Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ theo một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng).

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ.

- Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra việc đáp ứng điều kiện, tiêu chí, căn cứ tương ứng quy định tại Điều 9 và khoản 1 Điều 21 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP.

a) Trường hợp không đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

b) Trường hợp đáp ứng điều kiện:

+ Cơ quan cấp Giấy phép cấp Giấy phép kinh doanh cho các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP; trường hợp từ chối cấp phép, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

+ Cơ quan cấp Giấy phép gửi hồ sơ kèm văn bản lấy ý kiến Bộ Công an và Bộ Quốc phòng đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP (Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP).

+ Trường hợp không thuộc quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP, Cơ quan cấp Giấy phép cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

- Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép kinh doanh; trường hợp từ chối, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do (Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP).

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ văn bản trả lời của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng:

a) Trường hợp hai Bộ trên có văn bản chấp thuận cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép thực hiện cấp Giấy phép kinh doanh;

b) Trường hợp một trong hai Bộ trên không chấp thuận cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nhận kết quả giải quyết thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh đồng thời với Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và Cơ quan cấp Giấy phép trả kết quả giải quyết thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh đồng thời với Giấy phép lập cơ sở bán lẻ theo quy định pháp luật hiện hành về thực hiện thủ

tục hành chính. Trường hợp tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài lựa chọn nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn của đơn vị cung ứng dịch vụ bưu chính.

**7.2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa;

- Qua Dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

- Qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật;

- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng).

**7.3. Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đồng thời với Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP).

- Bản giải trình có nội dung:

a) Giải trình về điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh tương ứng theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP;

b) Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm kể từ năm nộp hồ sơ: Mô tả nội dung, phương thức thực hiện hoạt động kinh doanh; trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh;

c) Tình hình kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tính tới thời điểm đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh, trong trường hợp cấp Giấy phép kinh doanh quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định 342/2026/NĐ-CP.

- Tài liệu chứng minh tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không còn nợ thuế quá hạn do cơ quan thuế xác nhận vào thời điểm không quá 06 tháng trước ngày gửi hồ sơ đến Cơ quan cấp Giấy phép (sau đây gọi tắt là tài liệu thuế).

- Bản sao: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có) hoặc giấy tờ có giá trị tương đương theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp (trong trường hợp không có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án) (Sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).

- Bản giải trình về cơ sở bán lẻ có nội dung:

a) Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: Địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện, tiêu chí quy định tại khoản 1 và 2 Điều 21 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;

b) Kế hoạch kinh doanh tại cơ sở bán lẻ trong 05 năm kể từ năm nộp hồ sơ: Trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh trong thời gian 05 năm;

- Bản giải trình các tiêu chí ENT quy định tại các điểm b và c khoản 2 Điều 22 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP, trong trường hợp phải thực hiện ENT.

- Bản sao các tài liệu sau:

a) Đối với cơ sở bán lẻ có diện tích dưới 500 $m^2$: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Chi nhánh, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh tại nơi lập cơ sở bán lẻ;

b) Đối với cơ sở bán lẻ có diện tích từ 500 $m^2$ trở lên: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Chi nhánh và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ.

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chỉ phải nộp các tài liệu quy định tại khoản 3, 4 Điều 11 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP và điểm c khoản 1 Điều 19 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP trong trường hợp Cơ quan cấp Giấy phép không đủ điều kiện tiếp cận và khai thác được các tài liệu, dữ liệu có liên quan tại các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ thì Cơ quan cấp Giấy phép yêu cầu tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài bổ sung thành phần hồ sơ tương ứng để có đủ cơ sở giải quyết thủ tục hành chính.

**7.4. Số lượng bộ hồ sơ**: 01 bộ

**7.5. Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ nếu tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Nghị định 342/2026/NĐ-CP hoặc 23 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ nếu tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Nghị định 342/2026/NĐ-CP.

**7.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

**7.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính.

**7.8. Phí, Lệ phí**: Không quy định.

**7.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép kinh doanh và Giấy phép lập cơ sở bán lẻ

**7.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đồng thời với Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP).

**7.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**:

- Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thuộc nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có cam kết mở cửa thị trường cho hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Điều kiện về tiếp cận thị trường tại Điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước, vùng lãnh thổ đó là thành viên và được nhà đầu tư nước ngoài lựa chọn áp dụng theo quy định pháp luật về đầu tư. Nhà đầu tư nước ngoài phải đáp ứng điều kiện này trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh theo quy định tại Nghị định này tại Việt Nam;

b) Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã thành lập tổ chức kinh tế tại Việt Nam từ 01 năm trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ.

- Nhà đầu tư nước ngoài không thuộc nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên phải đáp ứng các điều kiện và tiêu chí sau:

a) Các điều kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

b) Các tiêu chí sau:

Phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành liên quan;

Phù hợp với mức độ cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước trong cùng lĩnh vực hoạt động trong thời gian 01 năm tính đến ngày nộp hồ sơ.

**7.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

- Nghị định số 342/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**Mẫu số 02**

| | |
|---|---|
| **TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*..., ngày ... tháng ... năm ...*

# ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH ĐỒNG THỜI VỚI GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy phép[1]

**I. Thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài[2]:**

1. Tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: ……..

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do... cấp đăng ký lần đầu ngày ... tháng ... năm ...; cấp đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm …

Mã số doanh nghiệp: …….

Địa chỉ trụ sở chính: …….

Điện thoại: ……. Fax: …… Email: …… Website: ……

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: …..

2. Vốn điều lệ (ghi bằng số và chữ):……

3. Vốn đầu tư kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có) (ghi bằng số và chữ; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài): …….

4. Ngành nghề kinh doanh[3]: …….

5. Thông tin về chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập[4]:

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là tổ chức:

+ Tên tổ chức: …… Nơi đăng ký thành lập: ……

+ Tỷ lệ vốn góp/cổ phần: ……

+ Ngành nghề/lĩnh vực kinh doanh chính: ……..

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là cá nhân:

+ Họ và tên: ……. Quốc tịch: …….

+ Tỷ lệ góp vốn/cổ phần: ……..

6. Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Chi nhánh/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh tại nơi lập cơ sở bán lẻ/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án án lập cơ sở bán lẻ số… do... cấp đăng ký lần đầu ngày... tháng... năm……..

---

[1] Ghi tên Cơ quan cấp Giấy phép nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

[2] Ghi thông tin đăng ký thay đổi gần nhất.

[3] Ghi ngành nghề kinh doanh theo Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

[4] Lập danh sách kèm theo Đơn đề nghị trong trường hợp có nhiều chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông sáng lập.

**II. Nội dung đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa:**

1. Hoạt động mua bán hàng hóa (chỉ ghi hoạt động đề nghị thực hiện):

- Thực hiện quyền phân phối bán lẻ (gắn/không gắn với lập cơ sở bán lẻ) các hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam gồm:……..

- Thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các mặt hàng:… theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 9 Nghị định này trong thời hạn ……

- Thực hiện quyền phân phối bán lẻ (gắn với lập cơ sở bán lẻ) các mặt hàng:… theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 9 Nghị định này trong thời hạn...

2. Hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa[5]:

- ……..

- ……

3. Các nội dung khác (nếu có):

- ……..

**III. Đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ với nội dung như sau:**

1. Tên cơ sở bán lẻ: ……

2. Địa chỉ cơ sở bán lẻ: ……..

3. Loại hình cơ sở bán lẻ[6]: ……..

4. Diện tích bán hàng của cơ sở bán lẻ: ... $m^2$

5. Hàng hóa phân phối tại cơ sở bán lẻ[7]:……

6. Thời hạn hoạt động của cơ sở bán lẻ:……

7. Các đề xuất khác (nếu có): ……..

**IV. Cam kết của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đồng thời với Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**
*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Các tài liệu gửi kèm:
1. …;
2. …

---

[5] Ghi từng hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa đăng ký thực hiện theo quy định tại điểm d, đ, e, g, h, i khoản 1 Điều 5 Nghị định này.

[6] Ghi loại hình cơ sở bán lẻ theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Nghị định này; ghi "loại khác" đối với các loại hình cơ sở bán lẻ không quy định tại khoản 12 Điều 3 Nghị định này.

[7] Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài kê khai theo mã HS kèm mô tả hàng hóa hoặc theo mã HS của nhóm hàng kèm mô tả nhóm hàng hoặc theo mã HS kèm tên Chương theo Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu có hiệu lực thi hành tại thời điểm đề nghị cấp phép, trên cơ sở tự cân đối nhu cầu kinh doanh và sự phù hợp với quy định pháp luật về thuế, tài chính, hải quan và quy định khác có liên quan.

**8. Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT), mã TTHC: 2.000361**

**8.1. Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ theo một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng).

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ.

- Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP:

a) Trường hợp không đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

b) Trường hợp đáp ứng điều kiện và không thuộc quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP, Cơ quan cấp Giấy phép cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ;

c) Trường hợp đáp ứng điều kiện và thuộc quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8, Cơ quan cấp Giấy phép gửi hồ sơ kèm văn bản lấy ý kiến Bộ Công an và Bộ Quốc phòng (Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP).

- Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ; trường hợp từ chối, văn bản trả lời phải nêu rõ lý do từ chối (Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 342/3026/NĐ-CP).

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ văn bản của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng:

a) Trường hợp các Bộ trên chấp thuận cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép thực hiện cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ;

b) Trường hợp một trong hai Bộ trên không chấp thuận cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nhận kết quả giải quyết thủ tục cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, Cơ quan cấp Giấy phép trả kết quả giải quyết thủ tục cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ theo quy định pháp luật hiện hành về thực hiện thủ tục hành chính. Trường hợp tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài lựa chọn nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn của đơn vị cung ứng dịch vụ bưu chính.

**8.2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa ;

- Qua Dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

- Qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật;

- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng).

**8.3. Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP).

- Bản giải trình có nội dung:

a) Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: Địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện, tiêu chí quy định tại khoản 1 và 2 Điều 21 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;

b) Kế hoạch kinh doanh tại cơ sở bán lẻ trong 05 năm kể từ năm nộp hồ sơ: Trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh trong thời gian 05 năm;

- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn, trong đó, thời điểm cơ quan thuế xác nhận không quá 06 tháng trước ngày gửi hồ sơ tới Cơ quan cấp Giấy phép.

- Bản sao các tài liệu sau:

a) Đối với cơ sở bán lẻ có diện tích dưới 500 $m^2$: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Chi nhánh, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh tại nơi lập cơ sở bán lẻ;

b) Đối với cơ sở bán lẻ có diện tích từ 500 $m^2$ trở lên: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Chi nhánh và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ.

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chỉ phải nộp các tài liệu quy định tại khoản 3 và 4 Điều 26 Nghị định 342/2026/NĐ-CP trong trường hợp Cơ quan cấp Giấy phép không đủ điều kiện tiếp cận và khai thác được các tài liệu, dữ liệu có liên quan tại các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ thì Cơ quan cấp Giấy phép yêu cầu tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài bổ sung thành phần hồ sơ tương ứng để có đủ cơ sở giải quyết thủ tục hành chính.

**8.4. Số lượng bộ hồ sơ**: 01 bộ

**8.5. Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP; 23 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ nếu thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP.

**8.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP .

**8.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt cơ sở bán lẻ.

**8.8. Phí, Lệ phí**: Không quy định.

**8.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép lập cơ sở bán lẻ

**8.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP).

**8.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**:

- Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã được thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ;

- Địa điểm lập cơ sở bán lẻ phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật về quản lý đất đai, quy hoạch, đầu tư, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường để lập cơ sở bán lẻ tại khu vực thị trường địa lý liên quan.

**8.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

- Nghị định số 342/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**Mẫu số 05**

| | |
|---|---|
| **TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*..., ngày ... tháng ... năm ...*

# ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ...

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy phép[1]

## I. Thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài[2]:

Tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:….....

Mã số doanh nghiệp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ……. Fax: …….. Email: ……. Website: .....

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: …

Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm...; điều chỉnh/cấp lại lần[3] ... ngày...tháng...năm....

Các cơ sở bán lẻ đã lập trên phạm vi toàn quốc[4]: .....

Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Chi nhánh/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh tại nơi lập cơ sở bán lẻ/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ số… do... cấp đăng ký lần đầu ngày... tháng... năm.....

## II. Nội dung đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số... như sau:

1. Tên cơ sở bán lẻ: .....

2. Địa chỉ cơ sở bán lẻ: .....

3. Loại hình cơ sở bán lẻ[5]: .....

4. Diện tích bán hàng của cơ sở bán lẻ: ... $m^2$.

5. Hàng hóa phân phối tại cơ sở bán lẻ[6]: .....

---

[1] Ghi tên Cơ quan cấp Giấy phép nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt cơ sở bán lẻ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

[2] Ghi thông tin đăng ký thay đổi gần nhất.

[3] Ghi thông tin cấp điều chỉnh/cấp lại lần gần nhất.

[4] Lập phụ lục theo tỉnh/thành phố, nêu các nội dung: số thứ tự; tên cơ sở bán lẻ; số, ngày, tháng, năm của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ; địa chỉ của cơ sở bán lẻ.

[5] Ghi loại hình cơ sở bán lẻ theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Nghị định này; ghi "loại khác" đối với các loại hình cơ sở bán lẻ không quy định tại khoản 12 Điều 3 Nghị định này.

[6] Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài kê khai theo mã HS kèm mô tả hàng hóa hoặc theo mã HS của nhóm hàng kèm mô tả nhóm hàng hoặc theo mã HS kèm tên Chương theo Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu có hiệu lực thi hành tại thời điểm đề nghị cấp phép, trên cơ sở tự cân đối nhu cầu

6. Thời hạn hoạt động của cơ sở bán lẻ: .....

7. Vốn đầu tư kinh doanh cơ sở bán lẻ: .....

8. Các nội dung khác (nếu có): .....

**III. Cam kết của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**
*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Các tài liệu gửi kèm:
1. …;
2. …

---

kinh doanh và sự phù hợp với quy định pháp luật về thuế, tài chính, hải quan và quy định khác có liên quan.

**9. Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT), mã TTHC: 1.000774**

**9.1. Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ theo một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng).

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 và 2 Điều 21 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP:

a) Trường hợp không đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

b) Trường hợp đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép gửi hồ sơ kèm văn bản lấy ý kiến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, đối với các trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP. Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ; trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Hội đồng ENT đánh giá các tiêu chí ENT quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP để Chủ tịch Hội đồng ENT có văn bản kết luận đề xuất cấp phép hoặc không cấp phép lập cơ sở bán lẻ trên cơ sở Báo cáo bằng văn bản đánh giá việc đáp ứng các tiêu chí ENT của Hội đồng ENT.

- Trường hợp không thuộc quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản kết luận đề xuất của Chủ tịch Hội đồng ENT, Cơ quan cấp Giấy phép thực hiện cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

- Trường hợp thuộc quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ văn bản của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng và văn bản kết luận đề xuất của Chủ tịch Hội đồng ENT:

a) Trường hợp hai Bộ và Chủ tịch Hội đồng ENT đều chấp thuận cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép thực hiện cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ;

b) Trường hợp một trong các bộ, người có thẩm quyền trên không chấp thuận cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nhận kết quả giải quyết thủ tục cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, Cơ quan cấp Giấy phép trả kết quả giải quyết thủ tục

cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ theo quy định pháp luật hiện hành về thực hiện thủ tục hành chính. Trường hợp tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài lựa chọn nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn của đơn vị cung ứng dịch vụ bưu chính.

**9.2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa tại Cơ quan cấp Giấy phép nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính;

- Qua Dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

- Qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật;

- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng).

**9.3. Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

- Bản giải trình có nội dung:

a) Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: Địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện, tiêu chí quy định tại khoản 1 và 2 Điều 21 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;

b) Kế hoạch kinh doanh tại cơ sở bán lẻ trong 05 năm kể từ năm nộp hồ sơ: Trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh trong thời gian 05 năm;

- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn, trong đó, thời điểm cơ quan thuế xác nhận không quá 06 tháng trước ngày gửi hồ sơ tới Cơ quan cấp Giấy phép.

- Bản sao các tài liệu sau:

a) Đối với cơ sở bán lẻ có diện tích dưới 500 $m^2$: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Chi nhánh, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh tại nơi lập cơ sở bán lẻ;

b) Đối với cơ sở bán lẻ có diện tích từ 500 $m^2$ trở lên: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Chi nhánh và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ.

- Bản giải trình các tiêu chí ENT quy định tại các điểm b và c khoản 2 Điều 22 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP, trong trường hợp phải thực hiện ENT.

-Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chỉ phải nộp các tài liệu quy định tại khoản 3 và 4 Điều 25 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP trong trường hợp Cơ quan cấp Giấy phép không đủ điều kiện tiếp cận và khai thác được các tài liệu, dữ liệu

có liên quan tại các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ thì Cơ quan cấp Giấy phép yêu cầu tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài bổ sung thành phần hồ sơ tương ứng để có đủ cơ sở giải quyết thủ tục hành chính)

**9.4. Số lượng bộ hồ sơ**: 01 bộ

**9.5. Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP; 29 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ nếu thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP.

**9.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP.

**9.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt cơ sở bán lẻ.

**9.8. Phí, Lệ phí**: Không quy định.

**9.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép lập cơ sở bán lẻ

**9.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**9.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**:

- Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã được thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ;

- Địa điểm lập cơ sở bán lẻ phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật về quản lý đất đai, quy hoạch, đầu tư, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường để lập cơ sở bán lẻ tại khu vực thị trường địa lý liên quan.

- Đáp ứng các tiêu chí Kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT):

a) Đối với cơ sở bán lẻ có diện tích dưới 5.000 $m^2$: khu vực thị trường địa lý chịu ảnh hưởng được xem xét ở cấp xã/phường hoặc tương đương.

Đối với cơ sở bán lẻ có diện tích từ 5.000 $m^2$ trở lên: khu vực thị trường địa lý chịu ảnh hưởng được xem xét ở cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

b) Tác động của cơ sở bán lẻ tới sự ổn định của thị trường, hoạt động kinh doanh của các cơ sở bán lẻ, chợ truyền thống đang hoạt động trong khu vực thị trường địa lý; nhu cầu của khu vực thị trường địa lý và khả năng đáp ứng của cơ sở bán lẻ dự kiến lập mới để khẳng định sự cần thiết mở cơ sở bán lẻ đó.

c) Khả năng đóng góp của cơ sở bán lẻ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực thị trường địa lý chịu ảnh hưởng, cụ thể:

Đóng góp cho sự phát triển và hiện đại hóa ngành bán lẻ trong khu vực thị trường địa lý;

Cải thiện điều kiện sống của dân cư trong khu vực thị trường địa lý.

d) Sự phù hợp của cơ sở bán lẻ đối với yêu cầu đảm bảo: an ninh, trật tự, an toàn xã hội của khu vực thị trường địa lý; an ninh biên giới, hải đảo, khu quân sự.

**9.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

- Nghị định số 342/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**Mẫu số 05**

| | |
|---|---|
| **TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*..., ngày ... tháng ... năm ...*

# ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ...

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy phép[1]

## I. Thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài[2]:

Tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:….....

Mã số doanh nghiệp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ……. Fax: …….. Email: ……. Website: .....

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: …

Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm...; điều chỉnh/cấp lại lần[3] ... ngày...tháng...năm....

Các cơ sở bán lẻ đã lập trên phạm vi toàn quốc[4]: .....

Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Chi nhánh/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh tại nơi lập cơ sở bán lẻ/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ số… do... cấp đăng ký lần đầu ngày... tháng... năm.....

## II. Nội dung đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số... như sau:

1. Tên cơ sở bán lẻ: .....

2. Địa chỉ cơ sở bán lẻ: .....

3. Loại hình cơ sở bán lẻ[5]: .....

4. Diện tích bán hàng của cơ sở bán lẻ: ... $m^2$.

5. Hàng hóa phân phối tại cơ sở bán lẻ[6]: .....

---

[1] Ghi tên Cơ quan cấp Giấy phép nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt cơ sở bán lẻ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

[2] Ghi thông tin đăng ký thay đổi gần nhất.

[3] Ghi thông tin cấp điều chỉnh/cấp lại lần gần nhất.

[4] Lập phụ lục theo tỉnh/thành phố, nêu các nội dung: số thứ tự; tên cơ sở bán lẻ; số, ngày, tháng, năm của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ; địa chỉ của cơ sở bán lẻ.

[5] Ghi loại hình cơ sở bán lẻ theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Nghị định này; ghi "loại khác" đối với các loại hình cơ sở bán lẻ không quy định tại khoản 12 Điều 3 Nghị định này.

[6] Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài kê khai theo mã HS kèm mô tả hàng hóa hoặc theo mã HS của nhóm hàng kèm mô tả nhóm hàng hoặc theo mã HS kèm tên Chương theo Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu có hiệu lực thi hành tại thời điểm đề nghị cấp phép, trên cơ sở tự cân đối nhu cầu

6. Thời hạn hoạt động của cơ sở bán lẻ: .....

7. Vốn đầu tư kinh doanh cơ sở bán lẻ: .....

8. Các nội dung khác (nếu có): .....

**III. Cam kết của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**
*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Các tài liệu gửi kèm:
1. …;
2. …

---

kinh doanh và sự phù hợp với quy định pháp luật về thuế, tài chính, hải quan và quy định khác có liên quan.

**10. Điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đối với các trường hợp thay đổi nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều 24; điều chỉnh giảm diện tích cơ sở bán lẻ, mã TTHC: 2.000339**

**10.1. Trình tự thực hiện:**

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có tài liệu hợp pháp ghi nhận nội dung điều chỉnh quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 24 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ theo một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng);

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**10.2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa tại Cơ quan cấp Giấy phép nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính;

- Qua Dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

- Qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật;

- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng).

**10.3. Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP);

- Trường hợp thay đổi địa chỉ của địa điểm lập cơ sở bán lẻ và/hoặc thay đổi địa điểm của cơ sở bán lẻ theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định 342/2026/NĐ-CP: Bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp xã/phường hoặc tương đương hoặc của Bên cho thuê địa điểm xác nhận việc thay đổi địa chỉ, địa điểm tương ứng;

- Trường hợp giảm diện tích bán hàng của cơ sở bán lẻ: Các giấy tờ có liên quan đến việc giảm diện tích cơ sở bán lẻ.

- Tổ chức kinh tế chỉ phải nộp các tài liệu quy định tại điểm b và c khoản 1, Điều 29 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP trong trường hợp Cơ quan cấp Giấy

phép không đủ điều kiện tiếp cận và khai thác được các tài liệu, dữ liệu có liên quan tại các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ thì Cơ quan cấp Giấy phép yêu cầu tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài bổ sung thành phần hồ sơ tương ứng để có đủ cơ sở giải quyết thủ tục hành chính.

**10.4. Số lượng bộ hồ sơ**: 01 bộ

**10.5. Thời hạn giải quyết:** 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đủ và hợp lệ.

**10.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã có Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

**10.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt cơ sở bán lẻ.

**10.8. Phí, Lệ phí**: Không quy định.

**10.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép lập cơ sở bán lẻ được điều chỉnh

**10.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**10.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**:

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có tài liệu hợp pháp ghi nhận nội dung điều chỉnh quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 24 Nghị định 342/2026/NĐ-CP;

**10.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

- Nghị định số 342/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**Mẫu số 06**

| | |
|---|---|
| **TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*..., ngày ... tháng ... năm ...*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ ...**

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy phép[1]

**I. Thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài[2]:**

Tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: .....

Mã số doanh nghiệp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ……. Fax: …… Email: …… Website: .....

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: ….

Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm...; điều chỉnh/cấp lại lần[3] ... ngày...tháng...năm...

Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm…; cấp đăng ký thay đổi lần[4]... ngày...tháng...năm...

**II. Nội dung đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số... như sau:**

1. Điều chỉnh thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

a) Thông tin đã được ghi nhận: (Chỉ ghi thông tin có liên quan đến thông tin cần điều chỉnh)…

b) Thông tin đề nghị điều chỉnh và lý do điều chỉnh: ……

c) Thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sau khi điều chỉnh: …..

2. Điều chỉnh nội dung kinh doanh

a) Nội dung kinh doanh đã được cấp: (Chỉ ghi nội dung có liên quan đến nội dung cần điều chỉnh)…

b) Nội dung kinh doanh đề nghị điều chỉnh và lý do điều chỉnh:……...

---

[1] Ghi tên Cơ quan cấp Giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

[2] Ghi thông tin đăng ký thay đổi gần nhất.

[3] Ghi thông tin cấp điều chỉnh/cấp lại lần gần nhất.

[4] Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đề nghị điều chỉnh.

c) Nội dung kinh doanh sau khi điều chỉnh: .....

**III. Cam kết của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**
*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Các tài liệu gửi kèm:
1. …;
2. …

**11. Điều chỉnh tăng diện tích bán hàng của cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất, được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, siêu thị đến mức không quá 500 $m^2$, mã TTHC: 2.000334**

**11.1. Trình tự thực hiện:**

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có tài liệu hợp pháp ghi nhận nội dung điều chỉnh quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 24 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ theo một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng);

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**1211.2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa tại Cơ quan cấp Giấy phép nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính;

- Qua Dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

- Qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật;

- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng).

**11.3. Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

- Bản giải trình có nội dung:

+ Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: Địa chỉ của địa điểm lập cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;

+ Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của cơ sở bán lẻ trong năm gần nhất;

- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn trong đó thời điểm cơ quan thuế xác nhận không quá 06 tháng trước ngày gửi hồ sơ đến Cơ quan cấp Giấy phép

- Tổ chức kinh tế chỉ phải nộp tài liệu quy định tại điểm c khoản 2 Điều 29 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP trong trường hợp Cơ quan cấp Giấy phép không đủ điều kiện tiếp cận và khai thác được các tài liệu, dữ liệu có liên quan tại các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ thì Cơ quan cấp Giấy phép yêu cầu tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài bổ sung thành phần hồ sơ tương ứng để có đủ cơ sở giải quyết thủ tục hành chính.

**11.4. Số lượng bộ hồ sơ**: 01 bộ

**11.5. Thời hạn giải quyết:** 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đủ và hợp lệ.

**11.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã có Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

**11.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt cơ sở bán lẻ.

**11.8. Phí, Lệ phí**: Không quy định.

**11.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép lập cơ sở bán lẻ được điều chỉnh

**11.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**11.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**:

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có tài liệu hợp pháp ghi nhận nội dung điều chỉnh quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 24 Nghị định 342/2026/NĐ-CP;

**11.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

- Nghị định số 342/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**Mẫu số 06**

| | |
|---|---|
| **TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*..., ngày ... tháng ... năm ...*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ ...**

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy phép[1]

**I. Thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài[2]:**

Tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: .....

Mã số doanh nghiệp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ……. Fax: …… Email: …… Website: .....

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: ….

Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm...; điều chỉnh/cấp lại lần[3] ... ngày...tháng...năm...

Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm…; cấp đăng ký thay đổi lần[4]... ngày...tháng...năm...

**II. Nội dung đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số... như sau:**

1. Điều chỉnh thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

a) Thông tin đã được ghi nhận: (Chỉ ghi thông tin có liên quan đến thông tin cần điều chỉnh)…

b) Thông tin đề nghị điều chỉnh và lý do điều chỉnh: ……

c) Thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sau khi điều chỉnh: …..

2. Điều chỉnh nội dung kinh doanh

a) Nội dung kinh doanh đã được cấp: (Chỉ ghi nội dung có liên quan đến nội dung cần điều chỉnh)…

b) Nội dung kinh doanh đề nghị điều chỉnh và lý do điều chỉnh:……..

c) Nội dung kinh doanh sau khi điều chỉnh: .....

---

[1] Ghi tên Cơ quan cấp Giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

[2] Ghi thông tin đăng ký thay đổi gần nhất.

[3] Ghi thông tin cấp điều chỉnh/cấp lại lần gần nhất.

[4] Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đề nghị điều chỉnh.

**III. Cam kết của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**
*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Các tài liệu gửi kèm:
1. …;
2. …

**12. Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại, mã TTHC: 2.000322**

**12.1. Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ theo một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng).

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 và 2 Điều 21 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP:

Trường hợp không đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Hội đồng ENT đánh giá các tiêu chí ENT quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP để Chủ tịch Hội đồng ENT có văn bản kết luận đề xuất cấp phép hoặc không cấp phép lập cơ sở bán lẻ trên cơ sở Báo cáo bằng văn bản đánh giá việc đáp ứng các tiêu chí ENT của Hội đồng ENT.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản kết luận đề xuất của Chủ tịch Hội đồng ENT có ý kiến chấp thuận cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép thực hiện cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng ENT không chấp thuận cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nhận kết quả giải quyết thủ tục cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, Cơ quan cấp Giấy phép trả kết quả giải quyết thủ tục cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ theo quy định pháp luật hiện hành về thực hiện thủ tục hành chính. Trường hợp tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài lựa chọn nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn của đơn vị cung ứng dịch vụ bưu chính.

**12.2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa tại Cơ quan cấp Giấy phép nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính;

- Qua Dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

- Qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật;

- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng).

**12.3. Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP).

- Bản giải trình có nội dung:

+ Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: Địa chỉ của địa điểm lập cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;

+ Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của cơ sở bán lẻ trong năm gần nhất;

- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn, trong đó, thời điểm cơ quan thuế xác nhận không quá 06 tháng trước ngày gửi hồ sơ đến Cơ quan cấp Giấy phép.

- Bản giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 21 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP.

**12.4. Số lượng bộ hồ sơ**: 01 bộ

**12.5. Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đủ và hợp lệ.

**12.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP.

**12.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt cơ sở bán lẻ.

**12.8. Phí, Lệ phí**: Không quy định.

**12.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép lập cơ sở bán lẻ được điều chỉnh

**12.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**12.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có tài liệu hợp pháp ghi nhận nội dung điều chỉnh quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 24 Nghị định 342/2026/NĐ-CP.

- Địa điểm lập cơ sở bán lẻ phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật về quản lý đất đai, quy hoạch, đầu tư, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường để lập cơ sở bán lẻ tại khu vực thị trường địa lý liên quan.

- Đáp ứng các tiêu chí Kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT):

a) Đối với cơ sở bán lẻ có diện tích dưới 5.000 $m^2$: khu vực thị trường địa lý chịu ảnh hưởng được xem xét ở cấp xã/phường hoặc tương đương.

Đối với cơ sở bán lẻ có diện tích từ 5.000 $m^2$ trở lên: khu vực thị trường địa lý chịu ảnh hưởng được xem xét ở cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

b) Tác động của cơ sở bán lẻ tới sự ổn định của thị trường, hoạt động kinh doanh của các cơ sở bán lẻ, chợ truyền thống đang hoạt động trong khu vực thị trường địa lý; nhu cầu của khu vực thị trường địa lý và khả năng đáp ứng của cơ sở bán lẻ dự kiến lập mới để khẳng định sự cần thiết mở cơ sở bán lẻ đó.

c) Khả năng đóng góp của cơ sở bán lẻ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực thị trường địa lý chịu ảnh hưởng, cụ thể:

Đóng góp cho sự phát triển và hiện đại hóa ngành bán lẻ trong khu vực thị trường địa lý;

Cải thiện điều kiện sống của dân cư trong khu vực thị trường địa lý.

d) Sự phù hợp của cơ sở bán lẻ đối với yêu cầu đảm bảo: an ninh, trật tự, an toàn xã hội của khu vực thị trường địa lý; an ninh biên giới, hải đảo, khu quân sự.

### 9.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

- Nghị định số 342/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**Mẫu số 06**

| | |
|---|---|
| **TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| _____ | _____ |

*..., ngày ... tháng ... năm ...*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ ...**

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy phép[1]

**I. Thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài[2]:**

Tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: .....

Mã số doanh nghiệp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ……. Fax: …… Email: …… Website: .....

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: ….

Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm...; điều chỉnh/cấp lại lần[3] ... ngày...tháng...năm...

Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm…; cấp đăng ký thay đổi lần[4]... ngày...tháng...năm...

**II. Nội dung đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số... như sau:**

1. Điều chỉnh thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

a) Thông tin đã được ghi nhận: (Chỉ ghi thông tin có liên quan đến thông tin cần điều chỉnh)…

b) Thông tin đề nghị điều chỉnh và lý do điều chỉnh: ……

c) Thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sau khi điều chỉnh: …..

2. Điều chỉnh nội dung kinh doanh

a) Nội dung kinh doanh đã được cấp: (Chỉ ghi nội dung có liên quan đến nội dung cần điều chỉnh)…

b) Nội dung kinh doanh đề nghị điều chỉnh và lý do điều chỉnh:……..

c) Nội dung kinh doanh sau khi điều chỉnh: .....

---

[1] Ghi tên Cơ quan cấp Giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

[2] Ghi thông tin đăng ký thay đổi gần nhất.

[3] Ghi thông tin cấp điều chỉnh/cấp lại lần gần nhất.

[4] Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đề nghị điều chỉnh.

**III. Cam kết của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**
*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Các tài liệu gửi kèm:
1. …;
2. …

**13. Điều chỉnh tăng diện tích bán hàng của cơ sở bán lẻ và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, siêu thị, mã TTHC: 2.002166**

**13.1. Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ theo một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng).

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 và 2 Điều 21 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP:

Trường hợp không đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Hội đồng ENT đánh giá các tiêu chí ENT quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP để Chủ tịch Hội đồng ENT có văn bản kết luận đề xuất cấp phép hoặc không cấp phép lập cơ sở bán lẻ trên cơ sở Báo cáo bằng văn bản đánh giá việc đáp ứng các tiêu chí ENT của Hội đồng ENT.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản kết luận đề xuất của Chủ tịch Hội đồng ENT có ý kiến chấp thuận cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép thực hiện cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng ENT không chấp thuận cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nhận kết quả giải quyết thủ tục cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, Cơ quan cấp Giấy phép trả kết quả giải quyết thủ tục cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ theo quy định pháp luật hiện hành về thực hiện thủ tục hành chính. Trường hợp tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài lựa chọn nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn của đơn vị cung ứng dịch vụ bưu chính.

**13.2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa tại Cơ quan cấp Giấy phép nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính;

- Qua Dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

- Qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật;

- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng).

**13.3. Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

- Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của cơ sở bán lẻ trong năm gần nhất;

- Tài liệu quy định tại các khoản 2, 3 và 5 Điều 25 Nghị định 342/2026/NĐ-CP, gồm:

+ Bản giải trình có nội dung:

a) Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: Địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện, tiêu chí quy định tại khoản 1 và 2 Điều 21 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;

b) Kế hoạch kinh doanh tại cơ sở bán lẻ trong 05 năm kể từ năm nộp hồ sơ: Trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh trong thời gian 05 năm;

+ Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn, trong đó, thời điểm cơ quan thuế xác nhận không quá 06 tháng trước ngày gửi hồ sơ tới Cơ quan cấp Giấy phép.

+ Bản giải trình các tiêu chí ENT quy định tại các điểm b và c khoản 2 Điều 22 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP.

**13.4. Số lượng bộ hồ sơ**: 01 bộ

**13.5. Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**12.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP.

**12.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt cơ sở bán lẻ.

**12.8. Phí, Lệ phí**: Không quy định.

**12.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép lập cơ sở bán lẻ điều chỉnh

**12.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**12.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có tài liệu hợp pháp ghi nhận nội dung điều chỉnh quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 24 Nghị định 342/2026/NĐ-CP.

- Địa điểm lập cơ sở bán lẻ phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật về quản lý đất đai, quy hoạch, đầu tư, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường để lập cơ sở bán lẻ tại khu vực thị trường địa lý liên quan.

- Đáp ứng các tiêu chí Kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT):

a) Đối với cơ sở bán lẻ có diện tích dưới 5.000 $m^2$: khu vực thị trường địa lý chịu ảnh hưởng được xem xét ở cấp xã/phường hoặc tương đương.

Đối với cơ sở bán lẻ có diện tích từ 5.000 $m^2$ trở lên: khu vực thị trường địa lý chịu ảnh hưởng được xem xét ở cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

b) Tác động của cơ sở bán lẻ tới sự ổn định của thị trường, hoạt động kinh doanh của các cơ sở bán lẻ, chợ truyền thống đang hoạt động trong khu vực thị trường địa lý; nhu cầu của khu vực thị trường địa lý và khả năng đáp ứng của cơ sở bán lẻ dự kiến lập mới để khẳng định sự cần thiết mở cơ sở bán lẻ đó.

c) Khả năng đóng góp của cơ sở bán lẻ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực thị trường địa lý chịu ảnh hưởng, cụ thể:

Đóng góp cho sự phát triển và hiện đại hóa ngành bán lẻ trong khu vực thị trường địa lý;

Cải thiện điều kiện sống của dân cư trong khu vực thị trường địa lý.

d) Sự phù hợp của cơ sở bán lẻ đối với yêu cầu đảm bảo: an ninh, trật tự, an toàn xã hội của khu vực thị trường địa lý; an ninh biên giới, hải đảo, khu quân sự.

### 12.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

- Nghị định số 342/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**Mẫu số 06**

| | |
|---|---|
| **TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| _____ | _____ |

*..., ngày ... tháng ... năm ...*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ ...**

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy phép[1]

**I. Thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài[2]:**

Tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: .....

Mã số doanh nghiệp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ……. Fax: …… Email: …… Website: .....

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: ….

Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm...; điều chỉnh/cấp lại lần[3] ... ngày...tháng...năm...

Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm…; cấp đăng ký thay đổi lần[4]... ngày...tháng...năm...

**II. Nội dung đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số... như sau:**

1. Điều chỉnh thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

a) Thông tin đã được ghi nhận: (Chỉ ghi thông tin có liên quan đến thông tin cần điều chỉnh)…

b) Thông tin đề nghị điều chỉnh và lý do điều chỉnh: …….

c) Thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sau khi điều chỉnh: …..

2. Điều chỉnh nội dung kinh doanh

a) Nội dung kinh doanh đã được cấp: (Chỉ ghi nội dung có liên quan đến nội dung cần điều chỉnh)…

b) Nội dung kinh doanh đề nghị điều chỉnh và lý do điều chỉnh:……..

c) Nội dung kinh doanh sau khi điều chỉnh: .....

**III. Cam kết của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:**

---

[1] Ghi tên Cơ quan cấp Giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

[2] Ghi thông tin đăng ký thay đổi gần nhất.

[3] Ghi thông tin cấp điều chỉnh/cấp lại lần gần nhất.

[4] Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đề nghị điều chỉnh.

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**
*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Các tài liệu gửi kèm:
1. …;
2. …

**14. Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, mã TTHC: 2.000665**

**14.1.Trình tự thực hiện:**

**-** Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ theo một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nhận kết quả giải quyết thủ tục cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, Cơ quan cấp Giấy phép trả kết quả giải quyết thủ tục cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ theo quy định pháp luật hiện hành về thực hiện thủ tục hành chính. Trường hợp tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài lựa chọn nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn của đơn vị cung ứng dịch vụ bưu chính.

**14.2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa tại Cơ quan cấp Giấy phép nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính;

- Qua Dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

- Qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật;

- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng).

**14.3. Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định).

**14.4. Số lượng bộ hồ sơ:** 01 bộ

**14.5. Thời hạn giải quyết:** 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**14.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có Giấy phép kinh doanh bị mất hoặc bị hỏng.

**14.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt cơ sở bán lẻ.

**14.8. Phí, Lệ phí**: Không quy định.

**14.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép lập cơ sở bán lẻ được cấp lại.

**14.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

- Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý

ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**14.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy phép lập cơ sở bán lẻ bị mất hoặc bị hỏng.

**14.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

- Nghị định số 342/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**Mẫu số 07**

| | |
|---|---|
| **TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*..., ngày ... tháng ... năm ...*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ ...**

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy phép[1]

**I. Thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài [2]:**

Tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: .....

Mã số doanh nghiệp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: …… Fax: …… Email: ……. Website: .....

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: …

Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm....; điều chỉnh/cấp lại lần[3]... ngày...tháng...năm...

Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm....; cấp đăng ký thay đổi lần[4]... ngày...tháng...năm...

**II. Lý do cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số...:** .....[5]

**III. Cam kết của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

| | |
|---|---|
| Các tài liệu gửi kèm:<br>1. …;<br>2. … | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**<br>*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

[1] Ghi tên Cơ quan cấp Giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này trong trường hợp cấp lại quy định tại Điều 31 Nghị định này.

[2] Ghi thông tin đăng ký thay đổi gần nhất.

[3] Ghi thông tin cấp điều chỉnh/cấp lại lần gần nhất.

[4] Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đề nghị cấp lại.

[5] Ghi cụ thể theo quy định tại Điều 31 Nghị định này.

## 15. Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, mã TTHC: 1.001441

### 15.1.Trình tự thực hiện:

- Trong thời hạn không quá 03 tháng trước ngày Giấy phép lập cơ sở bán lẻ hết hiệu lực, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ theo một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ.

- Trường hợp hồ sơ đủ và hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Cơ quan cấp Giấy phép gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nhận kết quả giải quyết thủ tục gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, Cơ quan cấp Giấy phép trả kết quả giải quyết thủ tục gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ theo quy định pháp luật hiện hành về thực hiện thủ tục hành chính. Trường hợp tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài lựa chọn nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn của đơn vị cung ứng dịch vụ bưu chính.

### 15.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa tại Cơ quan cấp Giấy phép nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính;

- Qua Dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

- Qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật;

- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng).

### 15.3. Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

- Tài liệu quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 25 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP gồm:

+ Bản giải trình có nội dung:

a) Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: Địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện, tiêu chí quy định tại khoản 1 và 2 Điều 21 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;

b) Kế hoạch kinh doanh tại cơ sở bán lẻ trong 05 năm kể từ năm nộp hồ sơ: Trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh trong thời gian 05 năm;

+ Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn, trong đó, thời điểm cơ quan thuế xác nhận không quá 06 tháng trước ngày gửi hồ sơ tới Cơ quan cấp Giấy phép.

+ Bản sao các tài liệu sau:

a) Đối với cơ sở bán lẻ có diện tích dưới 500 $m^2$: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Chi nhánh, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh tại nơi lập cơ sở bán lẻ;

b) Đối với cơ sở bán lẻ có diện tích từ 500 $m^2$ trở lên: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Chi nhánh và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ.

- Tổ chức kinh tế chỉ phải nộp các tài liệu quy định tại khoản 3 và 4 Điều 25 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP trong trường hợp Cơ quan cấp Giấy phép không đủ điều kiện tiếp cận và khai thác được các tài liệu, dữ liệu có liên quan tại các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ thì Cơ quan cấp Giấy phép yêu cầu tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài bổ sung thành phần hồ sơ tương ứng để có đủ cơ sở giải quyết thủ tục hành chính.

**15.4. Số lượng bộ hồ sơ:** 01 bộ

**15.5. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đủ và hợp lệ.

**15.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có Giấy phép lập cơ sở bán lẻ sắp hết hiệu lực.

**15.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt cơ sở bán lẻ.

**15.8. Phí, Lệ phí**: Không quy định.

**15.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép lập cơ sở bán lẻ được gia hạn.

**15.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

- Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**15.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có Giấy phép lập cơ sở bán lẻ sắp hết hiệu lực.

**15.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

- Nghị định số 342/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**Mẫu số 08**

| | |
|---|---|
| **TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*..., ngày ... tháng ... năm ...*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ ...**

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy phép[1]

**I. Thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài [2]:**

Tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: .....

Mã số doanh nghiệp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ……Fax: …… Email: ……. Website: .....

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: .....

Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm....; điều chỉnh/cấp lại lần[3] ... ngày ...tháng ...năm ...

Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần[4] ... ngày ... tháng ...năm ..., thời hạn đã được cấp phép ngày ... tháng ... năm ...

**II. Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số...:**

1. Thời hạn gia hạn: .....

2. Lý do gia hạn: .....

3. Các đề xuất khác (nếu có): .....

**III. Cam kết của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**
*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Các tài liệu gửi kèm:
1. …;
2. …

[1] Ghi tên Cơ quan cấp Giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này.
[2] Ghi thông tin đăng ký thay đổi gần nhất.
[3] Ghi thông tin cấp điều chỉnh/cấp lại lần gần nhất.
[4] Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đề nghị gia hạn.

## 16. Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động, mã TTHC: 2.000662

### 16.1.Trình tự thực hiện:

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ theo một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng) trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhà đầu tư nước ngoài được xác nhận đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp theo Văn bản thông báo của cơ quan đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ pháp lý có liên quan theo quy định pháp luật về đăng ký đầu tư, đăng ký doanh nghiệp;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ;

- Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép xem xét, đánh giá hồ sơ và địa điểm đặt cơ sở bán lẻ để quyết định cấp phép hoặc không cấp phép. Trường hợp không cấp phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do;

- Trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép gửi hồ sơ kèm văn bản lấy ý kiến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng về vấn đề an ninh quốc gia. Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, các bộ có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ văn bản của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng:

Trường hợp các bộ trên chấp thuận cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép thực hiện cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

Trường hợp một trong hai Bộ trên không chấp thuận cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nhận kết quả giải quyết thủ tục cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động, Cơ quan cấp Giấy phép trả kết quả giải quyết thủ tục cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động theo quy định pháp luật hiện hành về thực hiện thủ tục hành chính. Trường hợp tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài lựa chọn nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn của đơn vị cung ứng dịch vụ bưu chính.

### 16.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa tại Cơ quan cấp Giấy phép nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính;

- Qua Dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

- Qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật;

- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng).

**16.3. Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động (Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP);

- Bản giải trình cơ sở bán lẻ có nội dung:

+ Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: Địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 21 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP; giải trình các tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP, trong trường hợp đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho cơ sở bán lẻ quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;

+ Tình hình kinh doanh của cơ sở bán lẻ; kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh của cơ sở bán lẻ;

+ Kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở bán lẻ trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất;

- Báo cáo tổng hợp về kết quả hoạt động kinh doanh của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất;

- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn, trong đó thời điểm cơ quan thuế xác nhận không quá 06 tháng trước ngày gửi hồ sơ tới Cơ quan cấp Giấy phép (sau đây gọi tắt là tài liệu thuế);

- Bản sao các tài liệu:

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép kinh doanh (nếu có);

+ Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Chi nhánh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh tại nơi lập cơ sở bán lẻ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có).

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chỉ phải nộp các tài liệu quy định tại điểm d và đ khoản 1 Điều 36 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP trong trường hợp Cơ quan cấp Giấy phép không đủ điều kiện tiếp cận và khai thác được các tài liệu, dữ liệu có liên quan tại các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ thì Cơ quan cấp Giấy phép yêu cầu tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài bổ sung thành phần hồ sơ tương ứng để có đủ cơ sở giải quyết thủ tục hành chính.

**16.4. Số lượng bộ hồ sơ:** 01 bộ

**16.5. Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đủ và hợp lệ nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị

định số 342/2026/NĐ-CP và 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đủ và hợp lệ nếu thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP.

**16.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức kinh tế thuộc trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP.

**16.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có cơ sở bán lẻ đề nghị được tiếp tục hoạt động

**16.8. Phí, Lệ phí**: Không quy định.

**16.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép lập cơ sở bán lẻ

**16.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

- Mẫu số 09 ban hành kèm theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**16.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

**-** Địa điểm lập cơ sở bán lẻ phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật về quản lý đất đai, quy hoạch, đầu tư, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường để lập cơ sở bán lẻ tại khu vực thị trường địa lý liên quan.

- Tiêu chí ENT (trong trường hợp đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP):

a) Đối với cơ sở bán lẻ có diện tích dưới 5.000 $m^2$: khu vực thị trường địa lý chịu ảnh hưởng được xem xét ở cấp xã/phường hoặc tương đương.

Đối với cơ sở bán lẻ có diện tích từ 5.000 $m^2$ trở lên: khu vực thị trường địa lý chịu ảnh hưởng được xem xét ở cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

b) Tác động của cơ sở bán lẻ tới sự ổn định của thị trường, hoạt động kinh doanh của các cơ sở bán lẻ, chợ truyền thống đang hoạt động trong khu vực thị trường địa lý; nhu cầu của khu vực thị trường địa lý và khả năng đáp ứng của cơ sở bán lẻ dự kiến lập mới để khẳng định sự cần thiết mở cơ sở bán lẻ đó.

c) Khả năng đóng góp của cơ sở bán lẻ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực thị trường địa lý chịu ảnh hưởng, cụ thể:

Đóng góp cho sự phát triển và hiện đại hóa ngành bán lẻ trong khu vực thị trường địa lý;

Cải thiện điều kiện sống của dân cư trong khu vực thị trường địa lý.

d) Sự phù hợp của cơ sở bán lẻ đối với yêu cầu đảm bảo: an ninh, trật tự, an toàn xã hội của khu vực thị trường địa lý; an ninh biên giới, hải đảo, khu quân sự.

**16.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

- Nghị định số 342/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**Mẫu số 09**

| | |
|---|---|
| **TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| _____ | _____ |

*..., ngày ... tháng ... năm ...*

# ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ CHO PHÉP CƠ SỞ BÁN LẺ ĐƯỢC TIẾP TỤC HOẠT ĐỘNG

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy phép[1]

## I. Thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài[2]:

1. Tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: .....

Mã số doanh nghiệp:.....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại:……. Fax:…….. Email:…… Website:.....

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: ….

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do.... cấp lần đầu ngày... tháng.... năm....; cấp đăng ký thay đổi lần thứ... ngày....tháng....năm....

2. Vốn điều lệ (ghi bằng số và chữ): .....

3. Vốn đầu tư kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có) (ghi bằng số và chữ; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài): .....

4. Ngành nghề kinh doanh[3]: .....

5. Thông tin về chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập[4]:

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là tổ chức:

+ Tên tổ chức kinh tế: …… Nơi đăng ký thành lập: .....

+ Tỷ lệ vốn góp/cổ phần: .....

+ Ngành nghề/lĩnh vực kinh doanh chính: .....

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là cá nhân:

+ Họ và tên: …… Quốc tịch:.....

+ Tỷ lệ góp vốn/cổ phần: .....

---

[1] Ghi tên Cơ quan cấp Giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

[2] Ghi thông tin đăng ký thay đổi gần nhất.

[3] Ghi ngành nghề kinh doanh theo Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

[4] Lập danh sách kèm theo Đơn đề nghị trong trường hợp có nhiều chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông sáng lập.

6. Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số ... do... cấp ngày... tháng... năm... (nếu có)[5].

7. Các cơ sở bán lẻ đã được lập trên phạm vi toàn quốc[6]: .....

**II. Nội dung đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ để (các) cơ sở bán lẻ dưới đây được tiếp tục hoạt động trên địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương…[7]:**

1. Cơ sở bán lẻ số…:

a) Tên cơ sở bán lẻ: .....

b) Địa chỉ cơ sở bán lẻ: .....

c) Loại hình cơ sở bán lẻ[8]: .....

d) Diện tích bán hàng của cơ sở bán lẻ: ... $m^2$

đ) Hàng hóa phân phối tại cơ sở bán lẻ[9]:.....

e) Thời hạn hoạt động của cơ sở bán lẻ:.....

g) Các nội dung khác (nếu có):.....

2. Cơ sở bán lẻ số … (kê khai như đối với cơ sở bán lẻ thứ nhất).

**III. Cam kết của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**
*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Các tài liệu gửi kèm:
1. …;
2. …

---

[5] Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất.

[6] Lập phụ lục theo tỉnh/thành phố, nêu các nội dung: Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Chi nhánh/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh tại nơi lập cơ sở bán lẻ/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ số… do... cấp đăng ký lần đầu ngày... tháng... năm…; địa chỉ cơ sở bán lẻ, diện tích bán hàng của mỗi cơ sở bán lẻ; hàng hóa phân phối tại cơ sở bán lẻ.

[7] Trường hợp có nhiều cơ sở bán lẻ thì lập phụ lục theo tỉnh/thành phố nêu các nội dung quy định tại phần II Mẫu này. Mỗi tỉnh/thành phố lập 01 phụ lục kèm theo 01 Đơn đề nghị.

[8] Ghi loại hình cơ sở bán lẻ theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Nghị định này; ghi "loại khác" đối với các loại hình cơ sở bán lẻ không quy định tại khoản 12 Điều 3 Nghị định này.

[9] Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài kê khai theo mã HS kèm mô tả hàng hóa hoặc theo mã HS của nhóm hàng kèm mô tả nhóm hàng hoặc theo mã HS kèm tên Chương theo Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu có hiệu lực thi hành tại thời điểm đề nghị cấp phép, trên cơ sở tự cân đối nhu cầu kinh doanh và sự phù hợp với quy định pháp luật về thuế, tài chính, hải quan và quy định khác có liên quan.